SỞ Y TẾ TỈNH AN GIANG
BỆNH VIỆN SẢN – NHI KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 934 /QĐ-BVSNKG

An Giang, ngày 30 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Dịch vụ cung cấp vật tư, linh kiện và lắp đặt hệ thống khí y tế cho khoa Sơ sinh thuộc Bệnh viện Sản - Nhi Kiên Giang

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN SẢN – NHI KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 98/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 về quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học kỹ thuật ngày 19 tháng 05 năm 2026 về việc phê duyệt chủ trương, danh mục mua sắm vật tư, linh kiện để lắp

đặt hệ thống khí y tế cho khoa Sơ sinh thuộc Bệnh viện Sản - Nhi Kiên Giang;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học kỹ thuật ngày 10 tháng 09 năm 2026 về việc phê duyệt giá kế hoạch dịch vụ cung cấp vật tư, linh kiện và lắp đặt hệ thống khí y tế cho khoa Sơ sinh thuộc Bệnh viện Sản - Nhi Kiên Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 18/KH-BVSNKG ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bệnh viện Sản – Nhi Kiên Giang về việc Mua sắm hàng hóa, thiết bị y tế và thuê dịch vụ, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, hiệu chuẩn Thiết bị y tế, các dịch vụ y tế khác tại Bệnh viện Sản – Nhi Kiên Giang giai đoạn 2026 – 2027;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-BVSNKG ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Bệnh viện Sản – Nhi Kiên Giang về việc phê duyệt kế hoạch và dự toán mua sắm gói thầu dịch vụ cung cấp vật tư, linh kiện và lắp đặt hệ thống khí y tế cho khoa Sơ sinh thuộc Bệnh viện Sản - Nhi Kiên Giang;

Căn cứ Tờ trình số 52/TTr-VTTBYT ngày 26 tháng 10 năm 2025 của phòng Vật tư – Thiết bị y tế về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Dịch vụ cung cấp vật tư, linh kiện và lắp đặt hệ thống khí y tế cho khoa Sơ sinh thuộc Bệnh viện Sản - Nhi Kiên Giang;

Căn cứ Biên bản rà soát số 08/BB-TTĐ ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Tổ Thẩm định theo Quyết định số 398/QĐ-BVSN về việc rà soát kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Dịch vụ cung cấp vật tư, linh kiện và lắp đặt hệ thống khí y tế cho khoa Sơ sinh thuộc Bệnh viện Sản - Nhi Kiên Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Dịch vụ cung cấp vật tư, linh kiện và lắp đặt hệ thống khí y tế cho khoa Sơ sinh thuộc Bệnh viện Sản - Nhi Kiên Giang với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Phòng Vật tư – Thiết bị y tế, các phòng khoa và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, VTTBYT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH AN GIANG
BỆNH VIỆN SẢN - NHI KIÊN GIANG

Lại Thị Ngọc Điệp

Phụ lục

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN MUA SẮM: DỊCH VỤ CUNG CẤP VẬT TƯ, LINH KIỆN VÀ LẮP ĐẶT HỆ THỐNG KHÍ Y TẾ CHO KHOA SƠ SINH THUỘC BỆNH VIỆN SẢN - NHI KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVSNKG ngày tháng năm 2026 của Bệnh viện Sản – Nhi Kiên Giang)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện Sản – Nhi Kiên Giang	Dịch vụ cung cấp vật tư, linh kiện và lắp đặt hệ thống khí y tế cho khoa Sơ sinh thuộc Bệnh viện Sản - Nhi Kiên Giang	Dịch vụ cung cấp vật tư, linh kiện và lắp đặt hệ thống khí y tế	123.689.520	Nguồn thu dịch vụ khám, chữa bệnh thuộc nguồn thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước của Bệnh viện Sản – Nhi Kiên Giang	Chào giá trực tuyến rút gọn, qua mạng	-	30 ngày	Quý IV/2026	Trọn gói	90 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu				**123.689.520**	***Bằng chữ: Một trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi đồng./.***							

Phụ lục

DANH MỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU DỊCH VỤ CUNG CẤP VẬT TƯ, LINH KIỆN VÀ LẮP ĐẶT HỆ THỐNG KHÍ Y TẾ CHO KHOA SƠ SINH BỆNH VIỆN SẢN - NHI KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVSNKG ngày tháng năm 2026 của Bệnh viện Sản - Nhi Kiên Giang)

STT	Danh mục dịch vụ	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (+VAT)	Thành tiền (VNĐ)
1	Dịch vụ cung cấp vật tư, linh kiện và lắp đặt hệ thống khí y tế	**01. Ổ đầu ra khí Oxy (Ngõ ra khí Oxy): 02 bộ** - Nước sản xuất: Air Liquide Medical Systems - Pháp - Thiết bị đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Có van chặn để thuận tiện cho sửa chữa - Ổ đầu ra có trang bị lõi lọc với kích thước 60 µm - Lưu lượng: 150 lít/phút - Áp lực làm việc: 4 - 5 bar - Độ từ tính cho phép sử dụng được trong phòng MRI - Đầu ra chuẩn Afnor tương thích với hệ thống và thiết bị hiện hữu của Bệnh viện **02. Ổ đầu ra khí nén (Air) (Ngõ ra khí nén 4bar): 12 bộ** - Nước sản xuất: Air Liquide Medical Systems - Pháp - Thiết bị đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Có van chặn để thuận tiện cho sửa chữa - Ổ đầu ra có trang bị lõi lọc với kích thước 60 µm - Lưu lượng: 150 lít/phút - Áp lực làm việc: 4 - 5 bar - Độ từ tính cho phép sử dụng được trong phòng MRI - Đầu ra chuẩn Afnor tương thích với hệ thống và thiết bị hiện hữu của Bệnh viện **03. Ổ đầu ra khí hút chân không (hút dịch đầu giường - Vac) (Ngõ ra khí hút): 02 bộ** - Nước sản xuất: Air Liquide Medical Systems - Pháp - Thiết bị đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Có van chặn để thuận tiện cho sửa chữa - Ổ đầu ra có trang bị lõi lọc với kích thước 350 µm - Lưu lượng: 40 lít/phút - Áp lực làm việc:< - 0,4 bar	Gói	1	123.689.520	123.689.520

STT	Danh mục dịch vụ	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền (VNĐ)
		- Độ từ tính cho phép sử dụng được trong phòng MRI - Đầu ra chuẩn Afnor tương thích với hệ thống và thiết bị hiện hữu của Bệnh viện **04. Hộp khí y tế đầu giường (Hộp khí y tế đầu giường): 2.4 mét** - Nước sản xuất: TLV - Pháp - Thiết bị đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Chất liệu bằng nhôm hợp kim/thép được sơn tĩnh điện, bề mặt phẳng dễ vệ sinh - Chiều dài hộp kỹ thuật: 244mm x 63mm - Có 3 ngăn chứa khí y tế **05. Bộ tạo ẩm và lưu lượng khí oxy: 02 bộ** - Nước sản xuất: Technologie Medicale - Pháp - Thiết bị đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Có núm điều chỉnh lưu lượng - Chỉnh lưu lượng khí oxy: 0 - 15 L/phút - Bình tạo ẩm 250ml bằng polypropylen độ bền cao có thể hấp tiệt trùng nhiệt độ 134 độ C - Đầu nối nhanh với ngõ ra khí chuẩn Afnor **06. Đầu cắm nhanh cho ổ khí nén: 05 cái** - Nước sản xuất: Technologie Medicale - Pháp - Thiết bị đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đầu cắm nhanh khí nén chuẩn Afnor tương thích với hệ thống và thiết bị hiện hữu của Bệnh viện - Chất liệu bằng đồng thau mạ crom/niken **07. Ống đồng D12mm: 11.6 mét** - Nước sản xuất: Mueller Europe - Anh - Ống đồng đạt tiêu chuẩn BS EN 13348 - Chất liệu: bằng đồng - Độ dày: 0,6mm - Ống đồng được sản xuất với các thông số như : đường kính, độ dày, áp suất làm việc, độ cứng,…theo tiêu chuẩn EN 1057 (tiêu chuẩn căn bản), và EN 13348 (tiêu chuẩn ống đồng dùng cho y tế. - Toàn bộ ống dẫn phải là ống đồng y tế **08. Ống đồng D15mm: 34.8 mét** - Nước sản xuất: Mueller Europe - Anh - Ống đồng đạt tiêu chuẩn BS EN 13348				

STT	Danh mục dịch vụ	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền (VNĐ)
		- Chất liệu: bằng đồng - Độ dày: 0,7mm - Ống đồng được sản xuất với các thông số như : đường kính, độ dày, áp suất làm việc, độ cứng,…theo tiêu chuẩn EN 1057 (tiêu chuẩn căn bản), và EN 13348 (tiêu chuẩn ống đồng dùng cho y tế. - Toàn bộ ống dẫn phải là ống đồng y tế **09. Ống đồng D22mm: 11.6 mét** - Nước sản xuất: Mueller Europe - Anh - Ống đồng đạt tiêu chuẩn BS EN 13348 - Chất liệu: bằng đồng - Độ dày: 0,9mm - Ống đồng được sản xuất với các thông số như : đường kính, độ dày, áp suất làm việc, độ cứng,…theo tiêu chuẩn EN 1057 (tiêu chuẩn căn bản), và EN 13348 (tiêu chuẩn ống đồng dùng cho y tế. - Toàn bộ ống dẫn phải là ống đồng y tế **10. Phụ kiện, vật tư phụ lắp đặt: 01 lô** - Nước sản xuất: Conex - Anh - Co tê nối bằng đồng, đáp ứng tiêu chuẩn EN 1254-1 - Phụ kiện và vật tư lắp đặt hoàn chỉnh **11. Lắp đặt trọn gói, kiểm định, hoàn thiện hệ thống đưa vào sử dụng:** 01 hệ thống - Thời gian bảo hành chung cho toàn bộ hệ thống và thiết bị lắp mới: Tối thiểu 12 tháng. Có mặt xử lý sự cố kỹ thuật hệ thống khí y tế trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo từ Bệnh viện.				
TỔNG CỘNG						**123.689.520**

Tổng cộng: 01 mục;

Tổng giá trị: 123.689.520 đồng,

Bằng chữ: Một trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi đồng./.